| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 74/2025/DS-ST<br>Ngày 21-8-2025<br>V/v tranh chấp hợp đồng mua bán. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tạo
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Quốc Diện
Ông Nguyễn Văn Sol

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Văn Mil – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Hoàng M**, sinh năm 1976 (có mặt).
Cư trú tại: Ấp Đ, xã H, tỉnh Cà Mau.
- Bị đơn: Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1971 (vắng mặt).
Cư trú tại: Ấp Ô, xã H, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2025 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn là ông Phạm Hoàng M trình bày yêu cầu khởi kiện:*

Vào năm 2015 và 2016 ông T có mua thức ăn nuôi tôm công nghiệp của ông M với số tiền là 116.886.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng), khi mua thức ăn ông M có ghi toa và sau đó giữa ông M với ông T có đối chiếu nợ và ông T có ký xác nhận vào toa ngày 23/8/2015 với số tiền nợ là 25.365.000 đồng và toa ngày 26/11/2016 với số tiền nợ là 91.521.000

đồng. Ông M có yêu cầu ông T thanh toán tiền nợ nhưng ông T hứa hẹn nhiều lần mà không chịu thanh toán số tiền nợ nói trên cho ông M.

Từ những lý do nêu trên nên ông Phạm Hoàng M yêu cầu ông Trần Quốc T thanh toán số tiền nợ là 116.886.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Bị đơn ông Trần Quốc T Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà ông T không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp và hòa giải 02 lần nhưng ông T vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là ông Phạm Hoàng M yêu cầu ông Trần Quốc T thanh toán toa ngày 26/11/2016 với số tiền nợ là 91.521.000 đồng (Chín mươi một triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Về thủ tục tố tụng:***

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Trần Quốc T.

***Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:***

Ông Phạm Hoàng M khởi kiện ông Trần Quốc T yêu cầu ông Trần Quốc T có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi tôm công nghiệp và thuốc thuỷ sản còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng mua bán. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Quốc T có địa chỉ cư trú tại ấp Ông Khâm, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Ông Khâm, xã Hưng Mỹ, tỉnh Cà Mau). Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước (nay là Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Về nội dung:***

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng M đối với ông Trần Quốc T: Ông Phạm Hoàng M yêu cầu ông Trần Quốc T thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi tôm công nghiệp và thuốc thuỷ sản còn nợ là 91.521.000 đồng (Chín mươi một triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng). Xét thấy, ông Trần Quốc T có mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản của ông Phạm Hoàng M là có thật, nguyên đơn chứng minh bằng toa vé ngày 26/11/2016 với số tiền nợ là 91.521.000 đồng (Chín mươi một triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng). Khi mua thức ăn ông M có

ghi toa và sau đó giữa ông Phạm Hoàng M với ông Trần Quốc T có đối chiếu nợ và ông T có ký tên xác nhận nợ vào toa vé ngày 26/11/2016, Xét số nợ này là xuất phát từ việc ông T mua thức ăn tôm, thuốc thuỷ sản để nuôi tôm công nghiệp mà có. Do ông Trần Quốc T đã được Tòa án tống đạt các văn bản theo đúng quy trình luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông Trần Quốc T vẫn không có ý kiến trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do. Nên ngoài việc xét xử vắng mặt ông Trần Quốc T, Toà án chấp nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, buộc ông Trần Quốc T có nghĩa vụ thanh toán tiền mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản cho ông Phạm Hoàng M với số tiền là 91.521.000 đồng (Chín mươi một triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Phạm Hoàng M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Trần Quốc T chậm thanh toán tiền cho ông Phạm Hoàng M thì hàng tháng ông Trần Quốc T còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng M được chấp nhận toàn bộ nên ông Trần Quốc T phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.576.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng, tính tròn số).

Ông Phạm Hoàng M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông M có dự nộp tiền tạm ứng án phí 2.922.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019433 không ghi ngày/tháng/năm của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau) được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, 264, 266, 267 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng M. Buộc ông Trần Quốc T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Hoàng M tiền mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản còn nợ với số tiền là 91.521.000 đồng (Chín mươi một triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Phạm Hoàng M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Trần Quốc T chậm thanh toán tiền cho ông Phạm Hoàng M thì hàng tháng ông Trần Quốc T còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Trần Quốc T phải chịu nộp là 4.576.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng, tính tròn số).

Ông Phạm Hoàng M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông M có dự nộp tiền tạm ứng án phí 2.922.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019433 không ghi ngày/tháng/năm của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau) được nhận lại toàn bộ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tạo**